

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỜI BÌNH
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2024/DS-ST
Ngày 11 - 03 - 2024
“V/việc tranh chấp vay tài sản, góp hụi”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỜI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Diệp Chí Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Thắng

Ông Trần Phi Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Hồng Như – Là Thư ký Toà án nhân dân huyện Thời Bình.

Trong ngày 11 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thời Bình, tỉnh Cà Mau. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 324/2023/TLST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2023 về việc tranh chấp vay tài sản, góp hụi. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Hồng N, sinh năm 1970;

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã B, huyện T, tỉnh Cà Mau;

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Trần Thành P, sinh năm 1983.

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã B, huyện T, tỉnh Cà Mau; (Có mặt)

- **Bị đơn:** Ông Trần Văn N1, sinh năm 1988; (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã B, huyện T, tỉnh Cà Mau;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Đại diện bà N là nguyên đơn trình bày: Trước đây do giữa bà N với ông N1 có quan hệ quen biết, tin tưởng nên giữa bà N và ông N1 có thỏa thuận góp hụi và vay tiền. Ông N1 là hụi viên có tham gia góp hụi do bà N làm chủ với các dây hụi như sau:

Dây thứ nhất: Mở ngày 09/10/2019 (âm lịch), loại hụi 1.000.000 đồng, gồm 36 chung, ông N1 tham gia 01 chung, mỗi tháng khai một lần vào ngày 09 hàng tháng. Kỳ thứ 6 ông N1 bỏ thăm số tiền 400.000 đồng, hốt được số tiền 22.500.000 đồng. Ông N1 đóng hụi chết được 06 kỳ với số tiền 6.000.000 đồng thì ngưng. Còn nợ lại 24 kỳ với số tiền 24.000.000 đồng không thanh toán.

Dây thứ hai: Mở ngày 11/4/2020 (âm lịch), loại hụi 1.000.000 đồng, gồm 31 chung, ông N1 tham gia 01 chung, mỗi tháng khai một lần vào ngày 11 hàng tháng. Kỳ thứ 4 ông N1 bỏ thăm số tiền 320.000 đồng, hốt được số tiền

20.860.000 đồng. Ông N1 đóng hui chết được 02 kỳ với số tiền 2.000.000 đồng thì ngưng. Còn nợ lại 25 kỳ với số tiền 25.000.000 đồng không thanh toán.

Dây thứ ba: Mở ngày 16/02/2021 (âm lịch), loại hui 2.000.000 đồng, gồm 28 chung, ông N1 tham gia 01 chung, mỗi tháng khai một lần vào ngày 16 hàng tháng. Kỳ thứ 6 ông N1 bỏ thăm 850.000 đồng, hốt 34.300.000 đồng. Ông N1 đóng hui chết được 01 kỳ với số tiền 2.000.000 đồng thì ngưng. Còn nợ lại 21 kỳ với số tiền 42.000.000 đồng không thanh toán.

Tổng cộng 03 dây hui ông N1 còn nợ số tiền 91.000.000 đồng (chín mươi một triệu đồng). Vào năm 2019, ông N1 còn nợ hui khác của bà N số tiền 11.000.000 đồng, nhưng không có ghi sổ theo dõi và ký nợ nên không yêu cầu.

Ngoài nợ tiền nui ra, ông N1 có hỏi vay của bà N vào ngày 23 tháng 8 năm 2021 số tiền 30.000.000 đồng (có viết biên nhận nợ), lãi suất 1,66%/tháng, thỏa thuận thời hạn 01 tháng thanh toán. Nhưng ông N1 không thực hiện. Do đó, bà N yêu cầu ông N1 phải thanh toán vốn 30.000.000 đồng và lãi tính từ ngày 03/9/2021 đến ngày 03/9/2023 là 24 tháng $\times 30.000.000đ \times 1,66\% = 11.952.000$ đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 41.952.000 đồng.

Tổng số tiền hui và số tiền vay ông N1 còn nợ và phải có trách nhiệm thanh toán cho bà N số tiền 132.952.000 đồng. Trong đó tiền nợ hui là 91.000.000 đồng và tiền vay là 41.952.000 đồng.

Ông N1 là bị đơn: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông N1 từ khi thụ lý cho đến ngày mở phiên tòa xét xử, ông N1 vắng mặt không rõ lý do và không có gửi ý kiến bằng văn bản hay tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cho đến khi mở phiên tòa các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào lời trình bày của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và bổ sung tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét đơn yêu cầu của nguyên đơn là bà N và bị đơn là ông N1 thuộc lĩnh vực dân sự, tranh chấp góp hui và vay; Ông N1 là bị đơn có địa chỉ cư trú tại ấp C, xã B, huyện T, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, nhưng ông N1 là bị đơn vắng mặt không rõ lý do đến lần thứ 2 nên Tòa án vẫn tiến hành phiên tòa xét xử theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Theo các tài liệu và lời trình bày của bà N thể hiện ông N1 đã tham gia chơi hui của bà N làm chủ từ năm 2019 đến nay, có danh sách góp hui và sổ sách theo dõi do bà N cung cấp có tên Ngọc T, thể hiện ông N1 còn thiếu tiền hui của bà N nên bà N khởi kiện yêu cầu ông N1 có nghĩa vụ thanh toán là phù hợp.

Theo các tài liệu, chứng cứ của bà N cung cấp có ghi sổ chốt nợ theo danh sách theo dõi các hội viên đã hết thành hội chết và theo dõi còn nợ, thể hiện ông N1 còn nợ tiền hội của 03 dây hội là 91.000.000đ. Đối với ông N1, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông N1 từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử, ông N1 biết được việc khởi kiện của bà N, nhưng vẫn vắng mặt và không có ý kiến bằng bản hay tài liệu, chứng cứ gì gửi cho Tòa án để phản bác lại yêu cầu khởi kiện của bà N. Do đó, căn cứ vào sổ sách ghi chép viết tay chốt nợ của các bên để làm cơ sở giải quyết theo yêu cầu của nguyên đơn.

Theo giấy chốt nợ của bà N thể hiện ông N1 còn nợ hội của 03 dây hội, phải trả cho bà N số tiền 91.000.000đ (Trong đó: Dây hội mở ngày 09/10/2019, loại hội 1.000.000 đồng, còn nợ lại 24 kỳ với số tiền 24.000.000 đồng; Dây hội mở ngày 11/4/2020, loại hội 1.000.000 đồng, còn nợ lại 25 kỳ với số tiền 25.000.000 đồng; Dây hội mở ngày 16/02/2021, loại hội 2.000.000 đồng, còn nợ lại 21 kỳ với số tiền 42.000.000 đồng) nên bà N yêu cầu ông N1 có nghĩa vụ thanh toán là phù hợp.

Ngoài nợ tiền nui ra, ông N1 có hỏi vay của bà N vào ngày 23/8/2021 số tiền 30.000.000 đồng (ông N1 có viết biên nhận và ký nợ), lãi suất 1,66%/tháng, thỏa thuận thời hạn 01 tháng thanh toán. Nhưng ông N1 không thực hiện. Do đó, bà N yêu cầu ông N1 phải thanh toán vốn 30.000.000 đồng và lãi tính từ ngày 03/9/2021 đến ngày 03/9/2023 là 24 tháng x 30.000.000đ x 1,66%/tháng = 11.952.000 đồng. Tổng cộng ông N1 phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà N vốn và lãi số tiền là 41.952.000 đồng là phù hợp.

Như vậy, từ phân tích trên yêu cầu của bà N buộc ông N1 có nghĩa vụ thanh toán cho bà N tổng số tiền 132.952.000 đồng là phù hợp nên được chấp nhận.

[5] Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 274, 275, 463, 466, 468, 471 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng nghị quyết số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hộ, hội, biểu, phường.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Hồng N đối với ông Trần Văn N1.

Buộc ông Trần Văn N1 có nghĩa vụ thanh toán cho bà N số tiền là 132.952.000đ (Một trăm ba mươi hai triệu, chín trăm năm mươi hai ngàn đồng). Trong đó: Nợ tiền hội là 91.000.000 đồng và tiền vay là 41.952.000 đồng.

Kể từ ngày bà N có đơn yêu cầu thi hành án, ông N1 phải thi hành xong nghĩa vụ trả tiền, nếu không thi hành xong thì còn phải chịu thêm lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông N1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền 6.647.000đ (chưa nộp).

Bà N không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Vào ngày 30/10/2023 bà N đã dự nộp số tiền 3.599.000đ tại lai số 0003971 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, được nhận lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông N1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

NƠI NHẬN

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Thới Bình;
- THA dân sự huyện Thới Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

Diệp Chí Nguyễn